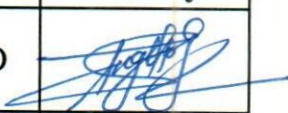
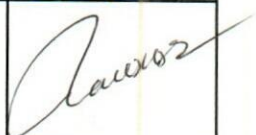
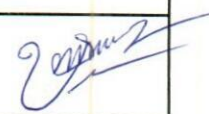
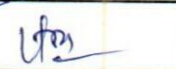
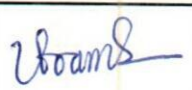
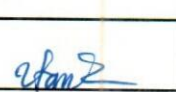
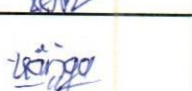


PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ NÀ U

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Stt	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Bích Nguyệt	P.Hiệu trưởng phụ trách trường	Chủ tịch HĐ	
2	Phạm Thị Nam Hồng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ - Thư ký Hội đồng	
3	Trần Thị Vui	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Nguyễn Thị Huyền	Tổ trưởng Khu B	Ủy viên HĐ	
5	Bùi Thị Thoa	Tổ phó Khu B	Ủy viên HĐ	
6	Lò Thị Loan	Tổ trưởng Khu A	Ủy viên HĐ	
7	Lò Thị Hạnh	Giáo viên	Ủy viên HĐ	
8	Lò Thị Thu	Giáo viên	Ủy viên HĐ	
9	Trần Thị Nguyệt Nga	Giáo viên	Ủy viên HĐ	

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	40
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	43
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị	45
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	47
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	48
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	50
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	52
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	52
Mở đầu	52
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	53
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của trường	55
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	58
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	58
Mở đầu	58
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	58
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	61
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	63
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	65
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	67
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	67
Phần IV: PHỤ LỤC	69

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	HĐND	Hội đồng nhân dân
2	UBND	Ủy ban nhân dân
3	GVDG	Giáo viên dạy giỏi
4	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
5	CBQL-GV-NV	Cán bộ quản lý – giáo viên- nhân viên
6	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
7	TT	Thông tư
8	VBHN-VPQH	Văn bản hợp nhất – Văn phòng Quốc hội
9	MG	Mẫu giáo
10	GDMN	Giáo dục mầm non
11	QĐ	Quyết định
12	TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
13	MN	Mầm non
14	TTLT	Thông tư liên tịch
15	BNV	Bộ Nội vụ
16	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
17	XHHGD	Xã hội hóa giáo dục
18	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
19	ĐDĐC	Đồ dùng đồ chơi

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường mầm non xã Na U

Tên trước đây (nếu có): Không

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên	Họ và tên Phó Hiệu trưởng phụ trách trường	Phạm Bích Nguyệt
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Điện Biên	Điện thoại	0981.373.790
Xã / phường/thị trấn	Na U	Fax	
Đạt chuẩn Quốc gia	Mức độ 1	Website	Mầm non xã Na U
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	QĐ số 1544/QĐ-CT ngày 7/7/2004	Số điểm trường	6
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	x
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi.	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 12 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 24 đến 36 tháng tuổi	2	2	2	2	2
Số lớp mẫu giáo ghép 3-4 tuổi	1	1	1	2	2
Số lớp mẫu giáo ghép 4-5	0	0	0	2	1

tuổi					
Số lớp mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi	6	6	6	5	5
Số lớp mẫu giáo 5 -6 tuổi	1	1	1	0	1
Cộng	10	10	10	11	11

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	10	10	10	11	11	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	1	1	
2	Phòng bán kiên cố	9	9	9	10	10	
3	Phòng tạm	1	1	1			
II	Khối phòng phục vụ học tập	2	2	2	2	1	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	1	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	7	7	7	7	7	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
2	Phòng bán kiên cố	7	7	7	7	7	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

IV	Khởi phòng tổ chức ăn	7	7	7	7	2	
V	Các công trình, khởi phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	8	
	Công	26	26	26	26	27	29

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

Ghi chú	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
	Hiệu trưởng	1	1			1
	Phó hiệu trưởng	2				2
	Giáo viên	17	7			17
	Nhân viên	4	2	3	2	1
	Cộng	24	22	10	2	21

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
1	Tổng số giáo viên	16	16	14	15	17
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	23	22,5	25	23,5	19,3
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)					
4	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	21,5	20,5	21,1	18	11,3
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi	2	2	2	2	2

	cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)					
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)					
7	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	218	209	219	209	216	
	- Nữ	97	102	106	109	106	
	- Dân tộc thiểu số	207	206	215	206	215	
2	Đối tượng chính sách	170	164	167	162	152	
3	Khuyết tật	0	0	0	0	1	
4	Tuyển mới	46	46	49	47	58	
5	Học 2 buổi/ngày	218	209	219	209	216	
6	Bán trú	218	209	219	209	216	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	21,5	20,5	21,1	18,0	17,6	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	23,0	22,5	25,0	23,5	29,0	
9	- Trẻ em từ 03-12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 12- 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	

	- Trẻ em từ 24-36 tháng tuổi	46	45	50	47	58	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	54	50	51	54	48	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	59	62	61	57	56	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	59	52	57	51	54	
10	- Các số liệu khác (nếu có)						

5. Các số liệu khác (nếu có)

.....

.....

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường mầm non xã Na Ú được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 07 tháng 07 năm 2004. Nhà trường được xây dựng tại bản Na Ú - xã Na Ú - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên. Trường có hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Từ khi thành lập đến nay nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Na Ú, Phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên, các cơ quan ban ngành nên cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng đồng bộ, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, có tường bao và hàng rào thép B40, có sân chơi láng xi măng sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời đủ số lượng theo quy định. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học.

Năm học 2019 - 2020 nhà trường có tổng số 24 CB - GV - NV (trong đó có 03 đồng chí cán bộ quản lý, 17 giáo viên, 01 nhân viên bảo vệ hợp đồng theo nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên kế toán kiêm nhiệm, 01 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn). Nhà trường có 10/17 giáo viên dạy giỏi các cấp (trong đó GVDG cấp trường 08 đồng chí; GVDG cấp huyện 02 đồng chí). Có 02 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng và các tổ chức đoàn thể khác có đầy đủ cơ cấu theo quy định.

Nhà trường có 11 nhóm trẻ và lớp mẫu giáo với 216 học sinh, trong đó có 02 nhóm trẻ 24-36 tháng với 58 trẻ; 09 lớp mẫu giáo với 158 học sinh. Nhà trường tổ chức cho 100% số trẻ ăn bán trú tại trường, học 2 buổi/ngày và chăm sóc - giáo dục theo chương trình Giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt kế hoạch đề ra, có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

Sau 16 năm đi vào hoạt động, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường qua các năm học, trường mầm non xã Na Ú đã có những bước phát triển về mọi mặt: Năm 2015-2016, năm học 2018-2019 trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, được UBND huyện Điện Biên tặng giấy khen. Các mặt hoạt động của nhà trường đều ổn định, phát triển bền vững, uy tín và vị thế của nhà trường đối với ngành học, với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ ngày một nâng lên. Với sự nỗ lực và cố gắng không ngừng của nhà trường, ngày 07/01/2015 nhà trường đã được UBND tỉnh Điện Biên ra quyết định số 05/QĐ-UBND công nhận trường mầm non xã Na Ú đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ được nâng lên và khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp Ủy Đảng, chính quyền

địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực xây dựng, cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. Duy trì nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường. Đáp ứng các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể CBQL - GV - NV về công tác chăm sóc giáo dục trẻ được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nền nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể CBQL - GV - NV xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục phù hợp để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, bố trí sắp xếp các nhóm lớp phù hợp với độ tuổi, có kế hoạch xây dựng tường bao kiên cố các điểm trường, xây dựng thêm phòng ngủ cho trẻ trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể CBQL - GV - NV của nhà trường theo Thông tư 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Thực hiện thành lập Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 05 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01 tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo kế hoạch, đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các minh chứng cụ thể, đảm bảo độ tin cậy.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4: Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác (máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet...) để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo.

Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí theo Thông tư số 19/2018/TT-BGD&ĐT. Trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu để làm căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Ban thư ký có trách nhiệm tập hợp các phiếu tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi viết báo cáo, nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá. Căn cứ vào Thông tư 19/2018/TT- BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Căn cứ vào kết quả tự đánh giá nhà trường đạt cấp độ 2.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường mầm non xã Na U hàng năm đã xây dựng kế hoạch đề ra chiến lược xây dựng và phát triển về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động trong nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và các nguồn lực của nhà trường. Kiện toàn đầy đủ cơ cấu tổ chức theo đúng quy định, nhà trường có tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể khác, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định và hoạt động có hiệu quả. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất

lượng chăm sóc giáo dục.

Nhà trường có 2 nhóm trẻ 24-36 tháng, 1 lớp MG 5-6 tuổi được chia theo độ tuổi và 7 lớp mẫu giáo ghép 2, 3 độ tuổi. 100% trẻ được ăn bán trú và học 2 buổi/ngày. Giáo viên đã căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhóm/lớp theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường để đưa ra các giải pháp thực hiện cho phù hợp.

Nhà trường luôn phân công nhiệm vụ cho CBQL – GV – NV theo đúng năng lực, sở trường và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của từng đồng chí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có tình trạng đơn thư khiếu nại, đảm bảo các quyền lợi của cán bộ, giáo viên, nhân viên đúng quy định. Hằng năm, nhà trường luôn đảm bảo tốt an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống tai nạn thương tích; phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống bạo lực học đường.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một được quy định tại Điều 22 Văn bản hợp

Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo giai đoạn và được cụ thể thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo từng năm phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường, đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo từng năm được phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và công khai niêm yết trên bảng tin. Hàng năm định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường; tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ em và cộng đồng [H1-1.1-05].

Mức 3:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: Giao cho Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường; huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường; thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; kiểm tra nội bộ đánh giá chất lượng, độ ngũ, chất lượng học sinh, chất lượng các hội thi; giám sát công tác xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác công khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của Phó Hiệu trưởng phụ trách trường, phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo từng năm học tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong hội nghị cán bộ công chức đầu năm và được niêm yết trên bảng tin của nhà trường để cha mẹ trẻ cùng biết [H1-1.1-03].

Hàng năm nhà trường thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].
 Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, phát triển nhà trường số 02/KHCL-MNNƯ ngày 16/10/2015, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].
 Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, tiếp theo [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Hàng năm, nhà trường cụ thể kế hoạch giai đoạn thành kế hoạch thực hiện với các nguồn lực của nhà trường như đội ngũ CBQL – GV – NV và học sinh. Hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn; Phù hợp nhất Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015; Phù hợp với định

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thực hiện công khai phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển của nhà trường bằng hình thức đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường và phương tiện thông tin đại chúng của thôn/bản để đạt hiệu quả cao hơn	CBQL; Trưởng bản	Trang thông tin điện tử của trường.	Trong năm học 2019 - 2020 và các năm tiếp theo.	
Nâng cao chất lượng thực hiện các hoạt động giám sát định kỳ, thường xuyên thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà trường theo từng năm học.	Hội đồng trường, Ban thanh tra nhân dân	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học.	Trong năm học 2019 - 2020 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Hội đồng trường được Phòng GD&ĐT công nhận theo quyết định số 4323/QĐ-PGDĐT, ngày 4/11/2019 gồm 7 thành viên; Các Hội đồng khác do Hiệu trưởng thành lập theo quy định: Hội đồng thi đua khen thưởng gồm 5 thành viên; Hội đồng chấm sáng kiến gồm 4 thành viên; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường gồm 7 thành viên [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 18, Điều 19 của văn bản Hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 quyết định Ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Các hội đồng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.2-05].

Mức 2:

Các hội đồng duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định; các hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo Hội đồng trường và các Hội đồng khác tiếp tục phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.	Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi.	Phân công nhiệm vụ, các quyết định thành lập.	Năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 24 công đoàn viên; Có Ban chấp hành Công đoàn gồm 01 Chủ tịch và 02 ủy viên; Chi đoàn TNCSHCM gồm Bí thư đoàn và 11 đoàn viên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường đảm bảo thực hiện hoạt động theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Thực hiện tốt các hoạt động phong trào, chăm lo đời sống CBQL - GV - NV [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Các hoạt động của tổ chức, đoàn thể nhà trường thường xuyên được rà soát, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có 01 chi bộ Đảng độc lập gồm Bí thư chi bộ, phó bí thư và 9 đảng viên, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Na U đánh giá 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 03 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

Hằng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, chất lượng giáo viên, chất lượng các hội thi, các hoạt động phong trào của nhà trường [H1-1.3-06].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp Chi bộ nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-05].

Các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường hàng năm đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng, mang lại hiệu quả cao trong quá trình hoạt động [H1-1.3-06].

2. Điểm mạnh

Trường có Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác như: Tổ chức Công đoàn, đoàn TNCSHCM đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, hàng năm được rà soát đánh giá làm tốt công tác tham mưu, tích cực phối kết hợp với nhà trường tổ chức tốt các hoạt động của trường và cộng đồng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường đều được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Trong năm học 2019 - 2020 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì tốt cơ cấu tổ chức các đoàn thể và các tổ chức khác theo quy định.	Chi bộ 7 trường MN xã Na U, Công đoàn cơ sở trường mầm non xã Na U, Chi đoàn 8 trường mầm non.	Các quyết định thành lập.	Trong các năm học tiếp theo	
Tăng cường sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng; xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức, đoàn thể đảm bảo theo quy định, các đoàn thể, tổ chức khác phối hợp thực hiện tốt các hoạt động của nhà trường. Tích cực học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị bạn, đưa ra các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng về mọi mặt của nhà trường.	Chi bộ 7 trường mầm non xã Na U, các tổ chức đoàn thể.	Phân công nhiệm vụ, quy chế hoạt động.	Trong các năm học, nhiệm kỳ.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 Phó Hiệu trưởng được giao phụ trách trường đã hoàn thiện quy trình bổ phiếu tín nhiệm Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDDT -BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn (Tổ chuyên môn Khu A có 08 đồng chí, tổ chuyên môn khu B có 11 đồng chí), 01 tổ văn phòng có 05 đồng chí. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có tổ trưởng và phó tổ trưởng [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Hằng năm tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học, thực hiện sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng theo đúng Điều lệ trường Mầm non và các nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; quản lý việc sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, hồ sơ sổ sách; việc thực hiện quy chế chuyên môn; tham gia đánh giá xếp loại CBQL – GV - NV trong tổ theo quy định [H1-1.4-05].

Mức 2:

Hằng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, chất lượng chuyên môn và yêu cầu về chăm sóc

giáo dục trẻ đề xuất các nội dung chuyên đề với chuyên môn nhà trường để xây dựng kế hoạch chung cho cả năm học, tháng, tuần. Căn cứ vào kế hoạch cụ thể của nhà trường, các tổ xây dựng và thực hiện chuyên đề giải quyết những vướng mắc khó khăn thực tế của giáo viên, từ đó thúc đẩy chất lượng chuyên môn của giáo viên góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Các tổ đã đề xuất và thực hiện các chuyên đề như: Chuyên đề Khám phá xã hội «Bé tìm hiểu biến đổi khí hậu», chuyên đề «khám phá sự bay hơi của nước», chuyên đề: Hoạt động thể dục lồng ghép tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, chuyên đề làm quen với toán theo hướng trải nghiệm [H1-1.4-05].

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch được định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá từ đó có sự điều chỉnh bổ sung kế hoạch các tháng tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ [H1-1.4-06].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tham mưu tổ chức các hoạt động chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng phù hợp cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, chương trình giao lưu theo các chủ đề, các hoạt động tham quan, lễ hội; Thực hiện sinh hoạt chuyên đề tổ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

Hàng năm các tổ chuyên môn thực hiện có hiệu quả các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch, có sự tham gia đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách trường, 02 Phó Hiệu trưởng, 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng đảm bảo theo quy định. Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch, đề xuất các chuyên đề và tổ chức các hoạt động theo quy định, có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường đã định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu: Nhà trường có 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hàng năm nhà trường tiếp tục kiện toàn và duy trì cơ cấu tổ chức theo quy định.	CBQL	Các quyết định thành lập.	Trong các năm học tiếp theo	
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo	CBQL, tổ	Phân công	Trong các	

các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức các hoạt động có hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ.	trưởng.	nhiệm vụ, nội quy.	năm học tiếp theo	
Chủ động tích cực hơn trong việc đề xuất sinh hoạt chuyên đề để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trong nhà trường.	CBQL, tổ trưởng, các thành viên tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn	Trong các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong những năm học vừa qua các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của nhà trường được phân chia theo độ tuổi và lớp ghép theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2019 -2020, trường có 11 nhóm, lớp trong đó: Có 2 nhóm trẻ 24 - 36 tháng, 2 lớp mẫu giáo ghép 3-4 tuổi, 1 lớp mẫu giáo ghép 4-5 tuổi, 5 lớp mẫu giáo ghép 3-4-5 trẻ, 1 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H1-1.5-01].

Hàng năm các nhóm trẻ/lớp mẫu giáo được ăn bán trú và học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN [H1-1.5-02]

Năm học 2019 - 2020 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-03].

Mức 2:

Năm học 2019-2020 Nhà trường có 11 nhóm/lớp với 216 học sinh, trong đó có 02 nhóm trẻ 24-36 tháng với 58 trẻ; 02 lớp mẫu giáo ghép 3+4 tuổi với 47 học

sinh; 01 lớp mẫu giáo ghép 4+5 tuổi với 24 học sinh; 01 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi với 22 học sinh; 05 lớp mẫu giáo ghép 3+4+5 tuổi với 65 học sinh, số lượng trẻ trong nhóm/lớp mẫu giáo không vượt quá theo quy định. Nhà trường có 08 lớp mẫu giáo ghép chưa phân chia được theo độ tuổi do khoảng cách ở các điểm trường xa, số lượng trẻ ít, không đủ 50% số trẻ theo số lượng tối đa theo quy định tại Điều lệ trường mầm non để bố trí thành lớp đơn [H1-1.5-01].

Mức 3:

Năm học 2019-2020 nhà trường có 02 nhóm trẻ 24-36 tháng và 09 lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Trong các năm học qua nhà trường có số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, số lượng trẻ trong một lớp không vượt quá quy định của Điều lệ trường mầm non. Các nhóm trẻ, mẫu giáo được tổ chức tổ chức ăn bán trú và học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN. Trong các năm học vừa qua nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Năm học 2019 - 2020 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật được học hòa nhập.

3. Điểm yếu

Nhà trường có 08 lớp mẫu giáo ghép chưa phân chia được theo độ tuổi do khoảng cách ở các điểm trường xa, số lượng trẻ ít, không đủ 50% số trẻ theo số lượng tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non để bố trí thành lớp đơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2019 - 2020 và các năm tiếp theo nhà trường tăng cường các biện pháp huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0-2 tuổi và trẻ 3-5 tuổi, duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp và bố trí sắp xếp phù hợp cho trẻ học theo độ tuổi theo quy định.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch giáo dục trẻ em. Phân công nhiệm vụ hàng năm	Trong các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.*

c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của Luật lưu trữ bao gồm các hồ sơ: Hồ sơ quản lý chuyên môn, hồ sơ quản lý trẻ em, hồ sơ quản lý bán trú, hồ sơ trẻ em khuyết tật học hòa nhập, hồ sơ quản lý nhân sự, hồ sơ quản lý tài sản, tài chính, sổ lưu trữ các văn bản, công văn [H1-1.4-05]; [H1-1.5-01]; [H1-1.5-03]; [H1-1.6-01]; [1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04].

Hàng năm nhà trường đều lập dự toán thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản được công khai hàng tháng theo quy định; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành. Có đầy đủ các chứng từ, lưu trữ theo quy định [1.6-02].

Hàng năm nhà trường đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục [1.6-02].

Mức 2:

Trong những năm học qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính như: Phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia, quản lý tài chính và tài sản sử dụng phần mềm Misa của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet thực hiện các hoạt động trong nhà trường [H1-1.1-04].

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy

đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán các cấp [1.6-05].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn để đề nghị phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch giao ngân sách nhà nước tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và điều kiện thực tế của địa phương [1.6-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật lưu trữ. Hằng năm đã làm tốt công tác lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục. Nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để đề nghị phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch giao ngân sách nhà nước tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và điều kiện thực tế của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Duy trì và làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục	CBQL, tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, số lượng giáo viên, học sinh, cơ sở vật chất.	Trong các năm học tiếp theo	
Xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đề án vị trí việc làm theo giai đoạn trung hạn, dài hạn lập nhu cầu kinh phí về cơ sở vật chất, dự toán nguồn ngân sách tham mưu với phòng GD&ĐT, UBND xã Na U để xây dựng kế hoạch giao ngân	CBQL, kế toán, Phòng giáo dục và Đào tạo, UBND xã Na U.	Số lượng trẻ trong độ tuổi trên địa bàn, số lượng giáo viên, phòng học, cơ sở vật chất, đồ dùng trang thiết bị dạy	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	

sách nhà nước tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và của địa phương.		học, nguồn kinh phí.		
---	--	----------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn của nhà trường, đưa ra các nhiệm vụ cụ thể cho việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, mỗi cán bộ quản lý, giáo viên đều có kế hoạch tự bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.4-05]; [H1-1.7-01].

Hàng năm nhà trường thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường [H1-1.7-02].

Hàng năm hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định của Điều 16, 17 quy định Điều lệ trường mầm non ban hành tại văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 100% giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền: Đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; Được thực hiện các quyền khác theo quy định của Điều 37 Điều lệ trường mầm non ban hành tại văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.1-04]; [1.6-02].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên như: Phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực của từng người; Tăng cường tuyên truyền, giáo dục viên chức, người lao động nâng cao nhận thức, ý thức; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý chỉ đạo; Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên; Tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn theo quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực và điều kiện hoàn cảnh của từng người, tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát huy được khả năng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và sinh hoạt chuyên đề cho đội ngũ CBQL- GV - NV theo hướng nghiên cứu bài học có chất lượng.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo	
Đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho CBQL-GV-NV theo quy định.	CBQL, giáo viên.	Điều lệ trường mầm non, Các văn bản quy định chế độ chính sách cho CBQL-GV-NV	Năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành để xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, các nhóm/lớp có kế hoạch giáo dục trẻ theo năm học, tháng/chủ đề, tuần và ngày theo quy định của chương trình GDMN, phù hợp với khả năng, năng lực của từng trẻ, với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục của nhóm/lớp, đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định của trường, của ngành và địa phương [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01].

Nhà trường, tổ chuyên môn phối hợp định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.4-05]; [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01].

Mức 2:

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp. Xác định nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học đề ra được các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.1-04]; [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục sát với chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, đảm bảo phù hợp với khả năng, năng lực của từng trẻ, với điều kiện của lớp, của trường và địa phương, triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, hiệu quả. Đồng thời đưa ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch kịp thời phù hợp với tình hình thực tế. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Ban giám hiệu tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tự	CBQL, tổ chuyên	Kế hoạch thực hiện	Trong các năm học tiếp	

học tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chăm sóc giáo dục trẻ của đội ngũ nhà giáo	môn, giáo viên	nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	theo	
Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên tại các nhóm lớp.	CBQL	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Trong các năm học tiếp theo	
Kịp thời tư vấn, thúc đẩy chất lượng xây dựng kế hoạch giáo dục của đội ngũ giáo viên trong năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo.	CBQL, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Trong các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong nhà trường theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT, ngày 01/3/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường như: Các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng phát triển nhà trường, các quy chế dân chủ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy chế chuyên môn [H1-1.3-01]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

Trong những năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ảnh việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.1-04].

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị [H1-1.9-01].

Mức 2:

Ban thanh tra nhân dân của nhà trường giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ như: Công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, thi đua, nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội hóa một cách công khai, minh bạch trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [H1-1.9-03].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, đảm bảo 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác dân chủ tại đơn vị được chú trọng nên không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị. Ban thanh tra nhân dân có các biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2019 - 2020 và những năm học tiếp theo nhà trường thực hiện tốt công tác dân chủ, công khai minh bạch, phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc góp ý nội quy quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.	CBQL	Quy chế dân chủ. Bảng công khai.	Trong các năm học tiếp theo	
Ban thanh tra nhân dân, Hội đồng trường và nhân dân trên địa bàn phát huy vai trò của mình trong việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Ban thanh tra nhân dân, hội đồng trường, nhân dân trên địa bàn.	Quy chế hoạt động các đoàn thể, Quy chế dân chủ.	Trong các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, xây dựng đầy đủ các phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm; phương án trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích; phương án phòng, chống cháy, nổ; phương án phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng chống dịch bệnh; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực (học đường) trong nhà trường; Nhà trường có tổ chức bếp ăn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07]; [1.10-08].

Nhà trường có hộp thư góp ý được đặt ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh, của người dân và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến [1.10-09].

Trong những năm học qua không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.3-06].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm; phương án trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích; phương án phòng, chống cháy, nổ; phương án phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng chống dịch bệnh; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.10-07]; [H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định, phổ biến, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Có hộp thư góp ý và đường dây nóng để ở nơi thuận tiện để cho giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Không có trường hợp nào bị kỷ thi, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật khác trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục triển khai, phổ biến thực hiện hiệu quả các phương án, văn bản pháp luật để đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong năm học 2019 - 2020 và những năm học tiếp theo.	CBQL, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ, nhân dân trên địa bàn.	Phương án: Phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống, cháy, nổ, an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai, phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường,	Trong năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo	

		vệ sinh an toàn thực phẩm.		
Tăng cường công tác phối hợp với các ban ngành ở địa phương như: Trạm y tế xã Na U, Công an xã, Hội phụ nữ xã, Đoàn TNCSHCM... xây dựng các phương án đạt hiệu quả	CBQL, giáo viên, nhân viên, Trạm y tế xã, Công an xã, Hội phụ nữ xã, Đoàn TNCSHCM Na U.	Phương án: Phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy, phòng chống thảm họa thiên tai, phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.	Trong năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Trường mầm non xã Na U đã xây dựng kế hoạch đề ra phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025 được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ theo từng năm học và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; Có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định; có Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ khối hoạt động hiệu quả, được định kỳ rà soát đánh giá và điều chỉnh.

Hằng năm, nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định, được phân chia theo độ tuổi và lớp ghép. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, nhà trường có không quá 02 trẻ em cùng một dạng khuyết tật học hòa nhập trong một lớp, số trẻ/lớp đảm bảo không vượt quá quy định. Hằng năm, nhà trường có không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; hằng năm quản lý tài chính, lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch

hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, hằng năm có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với phòng Giáo dục và Đào tạo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế, các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học được nhà trường công khai, minh bạch. Công tác an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo, không có hiện tượng kỳ thị bạo lực, vi phạm pháp luật trong nhà trường.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Chất lượng, năng lực đội ngũ từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục mầm non và yêu cầu đổi mới về Giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Phó Hiệu trưởng phụ trách trường và các phó hiệu trưởng của nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong ngành Giáo dục mầm non, có trình độ đào tạo trên chuẩn, có năng lực quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin tốt trong quản lý và chỉ đạo chuyên môn. 3/3 đồng chí CBQL có trình độ Trung cấp lý luận chính trị và hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thường xuyên được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm CBQL được đánh giá xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng, giáo viên được đánh giá, xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt ở mức khá trở lên. Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm và được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều 16 và Điều 17, Điều lệ trường mầm non. Năm học 2019-2020 có Phó hiệu trưởng phụ trách trường Phạm Bích Nguyệt (do hiệu trưởng Phạm Thị Hoa nghỉ hưu) có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non là 8 năm, Phó hiệu trưởng Trần Thị Vui công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non là 14 năm, Phó hiệu trưởng Phạm Thị Nam Hồng công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non là 20 năm; Phó hiệu trưởng phụ trách trường và các phó hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, có bằng trung cấp lý luận chính trị, chứng chỉ bồi dưỡng quản lý giáo dục mầm non, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]; [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02] .

Qua các năm học phó hiệu trưởng phụ trách trường, các phó hiệu trưởng được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên đánh giá xếp loại đạt từ khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng [H2-2.1-03].

Hàng năm 3/3 cán bộ quản lý đều được tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục mầm non theo quy định như: Bồi dưỡng chuyên môn hè, bồi dưỡng chuyên đề các cấp... [H2-2.1-04].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng từ mức khá trở lên [H2-2.1-03].

Phó hiệu trưởng phụ trách chung và các phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị. Trong quá trình công tác các đồng chí luôn được sự tin nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03]; [H2-2.1-05].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Phó hiệu trưởng phụ trách trường và 02 phó hiệu trưởng được phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá. Năm học 2017-2018 Hiệu trưởng Phạm Thị Hoa được đánh giá ở mức khá [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 phó hiệu trưởng phụ trách trường và 02 phó hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại điều 16 và điều 17 Điều lệ trường mầm non, Phó hiệu trưởng phụ trách chung và các phó hiệu trưởng có trình độ chuyên môn trên chuẩn trở lên, đảm bảo yêu cầu về trình độ lý luận chính trị, nghiệp vụ quản lý giáo dục mầm non và được đánh giá xếp loại khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng. Cán bộ quản lý nhiệt tình, có năng lực, tâm huyết với nghề, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, luôn được đồng nghiệp tín nhiệm, cha mẹ trẻ em và nhân dân địa phương tin tưởng.

3. Điểm yếu: Qua các năm học hiệu trưởng phụ trách trường và các phó hiệu trưởng chưa được đánh giá ở mức tốt.

- Nhà trường có 01 phó hiệu trưởng phụ trách trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên có quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng Phạm Bích Nguyệt	CBQL	Quy trình, kết quả bỏ phiếu tín nhiệm hiệu trưởng.	Tháng 5/2020	
Trong năm 2019-2020 và các năm tiếp theo trên cơ sở kết quả tự đánh giá xếp loại của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kết quả đánh giá, phân loại của cơ quan, quản lý các cấp, ban giám hiệu nhà trường tích cực bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, năng lực quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, phấn đấu được đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt	Phòng GD&ĐT, Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường MN xã Na U	Đánh giá, xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. Thông tư 11/2019-TT-BGDĐT ngày 26/8/2019 ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non.	Trong năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2019-2020, nhà trường có tổng số 17 giáo viên (nhà trẻ: 3 giáo viên; mẫu giáo: 14 giáo viên), đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định. Tỷ lệ giáo viên/nhóm trẻ là 1,5; tỷ lệ giáo viên/lớp mẫu giáo là 1,55 [H1-1.6-01].

17/17 giáo viên đạt trình trên chuẩn trở lên theo qui định là 100% [H2-2.2-01].

Tính đến thời điểm đánh giá, 17 giáo viên trong đó có 2 giáo viên mới chưa được đánh giá xếp loại giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức khá trở lên. Mức khá đạt 53,4% trở lên và mức tốt đạt 46,6 % đạt 100% [H2-2.2-02].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo trở lên. Tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình từ năm 2015 đến năm 2020 tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn là 100% [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, nhà trường không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-06].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá 100% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo. Trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình [H2-2.2-01].

Qua các năm học tính đến thời điểm đánh giá, có 17 /17 có 2 giáo viên mới không đánh giá, giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo và đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên là 100%. Trong đó mức khá đạt 53,4%, mức tốt đạt 46,6 % [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổng số 17 giáo viên đủ số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. 100% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo. Hằng năm công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Từ năm học 2015-2016 đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;	Cán bộ quản lý	Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015.	Trong năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo	
Bồi dưỡng giáo viên phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo các tiêu chuẩn về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	Cán bộ quản lý, Giáo viên.	Thông tư 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 ban hành chương trình bồi dưỡng giáo viên mầm non. Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn hằng năm	Trong năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 nhân viên bảo vệ biên chế hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm, 01 nhân viên kế toán kiêm nhiệm, 01 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn [H1-1.6-01]; [H2-2.3-01]; [H1-1.7-02].

Các nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng người [H1-1.7-02].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường, hằng năm đội ngũ nhân viên luôn được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ được giao [H2-2.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có 01 nhân viên bảo vệ biên chế hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm; 01 nhân viên kế toán kiêm nhiệm; 01 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn, theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non đảm bảo về số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định [H1-1.6-01]; [H2-2.3-01]; [H1-1.7-02].

Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, nhân viên y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp, hằng năm nhân viên bảo vệ và nhân viên nấu ăn được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ [H2-2.3-03].

Hằng năm, nhân viên y tế phụ trách công tác bán trú, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015. Nhân viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế của mỗi cá nhân. Nhân viên nấu ăn được tập huấn lớp vệ sinh ATTP. 100% nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong 05 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Thiếu 01 nhân viên kế toán và 01 nhân viên y tế.

Thiếu 02 lao động vị trí nấu ăn Điều 5 tại Thông tư 06/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng đề án vị trí việc làm trình với tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện bổ sung thêm 03 đồng chí nhân viên nấu ăn, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên kế toán đảm bảo đủ định mức số lượng.	CBQL	Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015	Trong năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo	
Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho nhân viên y tế, nhân viên kế toán, nhân viên nấu ăn.	CBQL Nhân viên y tế, nấu ăn	Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ y tế, kế toán, nấu ăn, vệ sinh an toàn thực phẩm.	Trong năm học 2019-2020 và các năm học tiếp.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Trường Mầm non xã Na Ú có đội ngũ CBQL-GV-NV đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Phó hiệu trưởng phụ trách trường và các phó hiệu trưởng có bằng đại học sư phạm, có nhiều năm công tác liên tục trong ngành giáo dục, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Trong 05 năm liên tục đến thời điểm được đánh giá, phó hiệu trưởng phụ trách trường và 02 phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên. 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên.

Các nhân viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Giáo viên và nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 3

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường là yếu tố quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ. Chính vì lẽ đó nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng chăm sóc giáo dục, mua sắm trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu dạy và học. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng ở cả trung tâm và các điểm trường với khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Có cổng trường, biển tên trường, tường bao và hàng rào B40 bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố và bán kiên cố. Có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Có vườn cây cho trẻ chăm sóc, có sân chơi với các đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định. Có đủ các phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng đa chức năng, đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Nhà bếp, nhà kho xây dựng bán kiên cố, được vận hành đúng theo quy trình bếp 1 chiều. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị vệ sinh theo quy định. Có đủ các loại phòng hành chính - quản trị với các thiết bị tối thiểu tại các phòng đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp; Có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng diện tích khu đất xây dựng 5.389 m² (trong đó: Trung tâm trường có diện tích 1.335 m²; Điểm trường Púng Bửu 600 m², Hua Thanh 500 m², Ca Hâu A 270 m², Ca Hâu B 900 m², Na Láy 719 m², Con Cang 1.065 m²). Tổng số trẻ toàn trường 216 trẻ bình quân tối thiểu 24,9 m²/trẻ đảm bảo theo quy định. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố và bán kiên cố [H3-3.1-01].

Có cổng trường, biển tên trường đúng theo quy định tại điều 7 Điều lệ trường mầm non. Trung tâm và các điểm trường đều có tường bao, hàng rào thép B40 và hàng rào cây xanh bao quanh được dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ, phù hợp cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.1-02].

Trường có đủ sân chơi, hiên chơi, hành lang cho các nhóm, lớp đảm bảo theo quy định. Sân chơi chung được quy hoạch và thiết kế bố trí phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ, tất cả trẻ đều được sử dụng. Cây xanh thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa gọn gàng tạo bóng mát cho trẻ hoạt động [3.1-02].

Mức 2:

Nhà trường đủ diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo 24,9 m²/trẻ theo quy định [H3-3.1-01].

Trung tâm trường, điểm Con Cang, Na Láy có tường bao xây kiên cố; điểm trường Hua Thanh, Ca Hau A, Ca Hau B, Púng Bửu xung quanh trường đều có hàng rào thép B40 và cây xanh bao quanh ngăn cách với bên ngoài, đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa, có vườn rau, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, khám phá, học tập [3.1-02].

Khu vực trẻ chơi có các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 về ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non, khu vực trẻ chơi thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, có tường, hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn ngăn cách với bên ngoài [3.1-02].

Mức 3:

Trường có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và tạo ban hành và hằng năm có bổ sung các thiết bị đồ chơi ngoài phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ [1.6-02]; [3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu đảm bảo theo quy định. Có đầy đủ cổng, biển tên trường, khuôn viên trung tâm trường có tường bao, hàng rào thép B40 và hàng rào cây xanh bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời.

3. Điểm yếu

Điểm trường Hua Thanh, Ca Hau A, Ca Hau B, Púng Bửu xung quanh trường đều có hàng rào thép B40 và cây xanh bao quanh ngăn cách với bên ngoài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2020 – 2021 và các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục huy động các nguồn xã hội hóa, các đơn vị kết nghĩa xây dựng tường bao ở điểm trường Ca Hau B, Ca Hau A, Hua Thanh,	CBQL, GV, NV và các đơn vị kết nghĩa, Đoàn thanh	Kế hoạch xây dựng và tu sửa cơ sở vật chất. Kinh phí	Năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo	203.700.000

Púng Bử.	niên xã.			
----------	----------	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 11 phòng tương ứng với 11 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo (trong đó 02 phòng cho nhóm trẻ 24- 36 tháng; 09 phòng cho lớp mẫu giáo) [3.1-02].

Trung tâm và các điểm trường đều có phòng sinh hoạt chung dùng để tổ chức cho trẻ vui chơi và học tập. Trung tâm và điểm trường Ca Hâu B đã được UBND huyện Điện Biên ra Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 phê duyệt cải tạo 03 phòng ngủ ở trung tâm, xây dựng 01 phòng ngủ mới tại điểm trường Ca Hâu B cho trẻ vào tháng 8 năm 2020. Trung tâm và 06 điểm trường có khu để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ; trung tâm có 01 phòng đa chức năng, trang bị đầy đủ đồ dùng (Gương, giống múa, đàn...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật thẩm mỹ cho trẻ [1.6-02]; [3.1-02].

Các nhóm lớp có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp [3.1-02]; [1.6-02].

Mức 2:

Trung tâm và 06 điểm trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3907:2011, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. 03 phòng ngủ tại điểm trường Con Cang, Na Láy, Hua Thanh, có đủ phản, chiếu, chăn, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng. Nhà trường có 01 phòng đa chức năng với các thiết bị như đàn, gương, gióng múa, trang phục, dụng cụ âm nhạc và khu giáo dục thể chất diện tích 116 m² có các đồ dùng, thiết bị, đồ chơi phát triển vận động đảm bảo đầy đủ đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non để tổ chức các hoạt động nghệ thuật, thể chất [1.6-02]; [3.1-02].

Nhà trường có 11/11 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng tại Điều lệ trường mầm non [1.6-02]; [3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích, có 3 phòng ngủ riêng tại 3 điểm trường Con Cang, Na Láy, Hua Thanh, có đủ phản, chiếu, chăn, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có phòng đa chức năng và khu giáo dục thể chất để tổ chức cho trẻ hoạt động nghệ thuật, thể chất đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Đẩy nhanh tiến độ theo QĐ số: 2770/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên	Phòng GD&ĐT, CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường; QĐ số: 2770/QĐ-UBND ngày 25/9/2019	Tháng 8 năm 2020.	600.000.000
Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ	CBQL, GV, NV	Kế hoạch kiểm tra nội bộ; Đồ dùng	Năm học 2019-2020 và	50.000.000

dùng, tại các khối phòng học, có kế hoạch bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng đa chức năng của nhà trường.		trang thiết bị dạy học, kinh phí	các năm học tiếp theo	
--	--	----------------------------------	-----------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định tại khoản e, mục 5, điều 27 Điều lệ trường mầm non: Văn phòng trường; phòng hiệu trưởng; 01 phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên; khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên [3.1-02].

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, bảng biểu, trang thiết bị cho cán bộ, giáo viên, nhân viên họp và tổ chức các hoạt động khác; phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc; phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc; phòng hành chính - quản trị có máy tính, tủ; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên có tủ để đồ dùng cá nhân, phòng bảo vệ có bàn ghế, đồng hồ, bảng, sổ theo dõi khách, đồ dùng, thiết bị đảm bảo theo yêu cầu [1.6-02]; [3.1-02].

Trung tâm trường có khu để xe giành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, khoa học [3.1-02].

Mức 2:

Văn phòng trường có diện tích 49m²; phòng Hiệu trưởng có diện tích 20m², phòng các phó hiệu trưởng diện tích 20m², phòng hành chính - quản trị có diện

tích 20 m², phòng bảo vệ có diện tích 9 m²; phòng dành cho nhân viên có diện tích 18 m², phòng y tế có diện tích 18 m², các phòng đủ diện tích đảm bảo quy định theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3907:2011 [1.6-02]; [3.1-02].

Khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, được bố trí hợp lý đảm bảo đủ diện tích cho xe giáo viên [3.1-02].

Mức 3:

Số lượng, diện tích các phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo đủ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế mầm non: Phòng hiệu trưởng có diện tích 20 m², phó hiệu trưởng có diện tích 20 m² được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý và được bố trí độc lập; phòng bảo vệ có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu; phòng dành cho nhân viên có diện tích đảm bảo, khu vệ sinh giành cho cán bộ giáo viên, nhân viên được bố trí thuận tiện, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường [1.6-02]; [3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: Văn phòng trường; phòng hiệu trưởng; phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên đảm bảo diện tích theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên; khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên. Các phòng có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Phòng dành cho nhân viên phòng 3 cứng (thung bằng tôn và tấm meka, khung sắt)

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh và xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, sử dụng có hiệu quả trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo xin bổ sung kinh phí và huy động các nguồn xã hội hóa, tổ chức từ thiện xây dựng dành cho nhân viên	CBQL, GV, NV	Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất hàng năm.	Năm 2019 - 2020 và các năm học tiếp theo	140.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 02 bếp ăn (01 bếp ăn ở trung tâm, 01 bếp tại điểm trường Púng Bử). Bếp ăn của nhà trường được xây dựng theo quy trình bếp ăn một chiều đảm bảo theo quy định [3.1-02].

Kho chứa thực phẩm được phân chia thành khu vực riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm như cách mặt đất 20cm, cách tường 10cm, có cửa sổ thoáng, có tủ để thực phẩm khô được sắp xếp gọn gàng ngăn nắp, dễ để lấy [3.1-02].

Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, tủ cấp đông để lưu trữ thực phẩm trước và sau khi chế biến thức ăn cho trẻ hàng ngày, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.1-02]; [H3-3.4-01].

Mức 2:

Nhà bếp của trường có tổng diện tích 80 m² (trong đó bếp trung tâm: 65,5 m² và Púng Bử có diện tích 14,5 m² theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015). Có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động bếp một chiều. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: Nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hàng ngày. Nhà bếp có bình chữa cháy đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ, rác thải được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định và đảm bảo hợp vệ sinh. Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm [1.6-02]; [3.1-02].

Mức 3:

Bếp ăn tại điểm trường Púng Bửu chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường Mầm non [1.6-02]; [3.1-02].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn của nhà trường có đủ diện tích theo quy định của tiêu chuẩn Quốc gia TCVN3907:2011, có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động bếp một chiều, có kho để dự trữ thực phẩm được phân chia theo từng khu vực, đảm bảo thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường, có đủ đồ dùng để làm vệ sinh và khử trùng. Có đủ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải hợp vệ sinh.

3. Điểm yếu

Bếp ăn tại điểm trường Púng Bửu nhà 3 cứng (nhà gỗ). Bếp ăn chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh, huy động kinh phí từ mọi nguồn để xây dựng bếp ăn tại điểm trường Púng Bửu	CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường, tờ trình	Năm học 2019 – 2020.	50.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ, đồ dùng, đồ chơi, các thiết bị đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [1.6-02].

Hằng năm nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: Chấm đồ dùng đồ chơi theo từng chủ đề, tổ chức Hội thi phụ huynh cùng làm đồ dùng đồ chơi. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [3.1- 02].

Các thiết bị của nhà trường hằng năm được kiểm kê, định kỳ vào đầu năm và cuối năm học, nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch kiểm tra các thiết bị đồ dùng để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại các điểm trường, nhóm, lớp [1.6-02].

Mức 2:

100% máy tính trong nhà trường được kết nối Internet, Wifi phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [3.5-01].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non 11/11 nhóm, lớp đủ đồ dùng, thiết bị dạy học. Tính đến thời điểm đánh giá, số bộ thiết bị là 11 bộ/11 nhóm, lớp. Trong đó mẫu giáo lớn có 1 bộ, mẫu giáo ghép 3-4-5 độ tuổi có 5 bộ, mẫu giáo ghép 4-5 tuổi có 1 bộ, mẫu giáo ghép 3-4 có 2 bộ, nhóm trẻ 24-36 tháng có 2 bộ [1.6-02].

Hằng năm nhà trường được Phòng GD&ĐT cấp bổ sung các thiết bị dạy học theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Các nhóm lớp tự làm đồ dùng đồ chơi phục vụ cho các hoạt động giáo dục, phù hợp và an toàn cho trẻ [1.6-02].

Mức 3:

Đồ dùng đồ chơi tại các điểm trường, các nhóm, lớp được giáo viên sử dụng và bảo quản tốt, thiết bị đồ dùng, đồ chơi tự làm, được khai thác và đưa vào sử dụng thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ [H3-3.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các điểm trường, nhóm, lớp theo quy định. Hằng năm nhà trường tổ chức làm bổ sung đồ dùng,

đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: Châm đồ dùng đồ chơi theo từng chủ đề, tổ chức Hội thi phụ huynh cùng làm đồ dùng đồ chơi. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ. 100% các máy tính được kết nối Internet, Wifi phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh của nhà trường và làm tốt công tác bàn giao, kiểm kê tài sản, ĐDDC, trang thiết bị hàng năm để có kế hoạch tu sửa, bổ sung và nâng cấp.	CBQL, giáo viên	Biên bản kiểm kê, bàn giao ĐDDC; Danh mục ĐDDC	Đầu năm, cuối năm học các năm	
Tham mưu với các cấp và công tác xã hội hóa giáo dục bổ sung thêm đồ dùng đồ chơi ngoài trời cho các khu.	CBQL, giáo viên	Kế hoạch tham mưu; Tờ trình bổ sung trang thiết bị đồ dùng đồ chơi hàng năm.	Năm 2019-2020 và trong các năm học tiếp theo	
Huy động phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu phế thải cùng chung tay với giáo viên làm nhiều ĐDDC sáng tạo đưa vào hoạt động phong phú.	Giáo viên, cha mẹ học sinh.	Cha mẹ học sinh ủng hộ kinh phí, hiện vật.	Năm 2019-2020 và trong các năm học tiếp theo	
Kiểm tra thường xuyên việc bảo quản thiết bị đồ chơi phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm 2019-2020 và trong các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 7 phòng vệ sinh của trẻ, 01 khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên tại trung tâm và các điểm trường được phân thành khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường, phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật [3.1-02]

Hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh không ô nhiễm môi trường, có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ [3.1-02]; [H3-3.6-01].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công việc làm vệ sinh và khử trùng [3.1-02].

Mức 2:

Các phòng vệ sinh cho trẻ đảm bảo, có vòi nước rửa tay, có chỗ đi tiểu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái, bệ có nắp đậy; có vòi rửa tay bô và 7 ghế ngồi bô cho trẻ nhà trẻ, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát; Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên 9m² đủ diện tích, có phòng tắm thiết kế xây dựng phù hợp đảm bảo theo quy định phù hợp cảnh quan, đảm bảo vệ sinh môi trường [3.1-02].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ hệ thống giếng khoan, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ y tế như: Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập trung, đảm bảo vệ sinh phòng bệnh [3.1-02]; [H3-3.6-01].

2. Điểm mạnh

100% các nhóm lớp trong nhà trường đều có nhà vệ sinh, đảm bảo đầy đủ thiết bị, thuận tiện cho trẻ sử dụng. Có khu vệ sinh riêng biệt dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ diện tích theo quy định. Có hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa nhà vệ sinh tại các điểm trường. Tham mưu với UBND xã và cha mẹ học sinh để có thêm nguồn kinh phí.	CBQL.	Kinh phí	Trong năm học 2019-2020.	10.000.000 đồng
Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước.	CBQL, giáo viên	Kinh phí	Trong năm học 2019 - 2020.	5.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường có các công trình được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, có diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các nhóm lớp học và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích, được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp.

Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày. Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Khu vệ sinh cho giáo viên, cho trẻ được xây dựng đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ xung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6.

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để thực hiện tốt kế hoạch phát triển nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, thì công tác phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội giữ vai trò vô cùng quan trọng. Vì vậy trong những năm qua nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia

đình và xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội. Hằng năm nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ trẻ chủ động phối hợp với nhà trường trong công tác tham mưu với cấp ủy và chính quyền địa phương trong việc tổ chức thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm có 07 thành viên gồm: 01 Trưởng ban, 01 Phó ban, 05 ủy viên thường trực, các nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, nhóm/lớp có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học [H4-4.1-02].

Trong năm học, Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch đã xây dựng. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường, của các lớp thực hiện có hiệu quả cao [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: Tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, lao động. Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: Chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ khuyết tật, trẻ hộ nghèo [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả với nhà trường xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-04]. [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp, của trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Duy trì Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường, của mỗi lớp vào mỗi năm học và duy trì tốt hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ	CBQL, Giáo viên, cha mẹ trẻ.	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với cha mẹ trẻ. Tổ chức họp cha mẹ học sinh	Trong các năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo.	
Chọn cử những thành viên là cha mẹ trẻ có tinh thần trách nhiệm và khả năng giao tiếp để tuyên truyền vận động tới cộng đồng về công tác chăm sóc giáo dục trẻ tại trường mầm non tham gia Ban đại	CBQL, Giáo viên, cha mẹ trẻ	Quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ	Trong các năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo.	

diện cha mẹ trẻ. Điều chỉnh quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ hàng năm cho phù hợp.				
---	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục, giải pháp cụ thể trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như: xây dựng mạng lưới quy mô trường lớp, tham mưu chỉ đạo nhân dân các thôn bản, phối kết hợp với nhà trường xây dựng CSVC, cảnh quan trường lớp, xây nhà công vụ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi [H4-4.2-01]

Hằng năm, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: Qua các buổi họp phụ huynh, tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn/đội bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày [H1-1.1-04]. [H4-4.1-05].

Nhà trường tích cực tham mưu tới với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục; huy động và sử dụng nguồn lực hợp

pháp của các tổ chức, cá nhân để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường và các hoạt động của trẻ như: Quỹ trẻ nghèo vùng cao hỗ trợ 231.676.000 đồng tiền ăn cho trẻ và 4.230.000 đồng tổ chức tết tất niên cho trẻ; Nhóm thiện nguyện Lạc Hồng hỗ trợ 200.000.000 đồng (trong đó tiền mặt 180.000 xây 1 lớp học điểm trường Ca Hau A, Đồ chơi, bàn ghế, quần áo, ba lô trị giá 20.000.000); Nhóm cầu giấy Yêu thương hỗ trợ 350.000.000 đồng (trong đó tiền mặt 345.000.000 đồng xây 3 phòng học, 1 nhà công vụ, 1 nhà vệ sinh điểm Hua Thanh và quần áo, ba lô trị giá 5.000.000 đồng); Công ty xi măng Điện Biên hỗ trợ: 2 tấn xi măng lát nền nhà 01 phòng lớp học, 01 phòng ngủ, 01 phòng công vụ điểm trường Na Láy; Đoàn biên phòng cửa khẩu Quốc tế Tây Trang hỗ trợ (3.000.000 đồng tiền mặt và 215 xuất quà để tổ chức trung thu cho trẻ, 12 khối cát, 132 ngày công lao động đổ sân bê tông điểm trường Púng Bử, lát nền nhà vệ sinh điểm Na Láy, điểm Hua Thanh, điểm Con Cang, làm nhà bếp điểm Hua Thanh, 350 viên gạch xây hố rác nổi cho 5 điểm trường) [H1-1.1-04]; [H4-4.2-01].

Mức 2:

Trong các năm qua nhà trường đã tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục: Xây dựng nhà công vụ, tu sửa cơ sở vật chất nhà trường, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ như: chế độ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập,....

Nhà trường phối hợp với đoàn thể ở địa phương như: Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế Tây Trang, đoàn thanh niên xã để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống địa phương một cách hiệu quả như: Tết cổ truyền dân tộc H'Mông, giao lưu văn nghệ như 20/11, 8/3, 20/10, tổ chức cho cô và trẻ tham gia viếng khu tưởng niệm tại xã Na U trong những ngày lễ hội [H4-4.2-01]; [H4-4.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Xác định công tác giáo dục là của toàn Đảng, toàn dân, mọi tổ chức đoàn thể, vì vậy ngay từ đầu mỗi năm học nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, nhằm nâng cao các điều kiện về cơ sở vật chất trường lớp đáp ứng với yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ. Làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương và các lực lượng xã hội huy động các nguồn lực đóng góp công lao động, vật liệu để xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Trong 5 năm qua Quỹ trẻ nghèo vùng cao hỗ trợ 231.676.000 đồng tiền ăn cho trẻ và 4.230.000 đồng tổ

chức tốt tất niên cho trẻ; Nhóm thiện nguyện Lạc Hồng hỗ trợ 200.000.000 đồng (trong đó tiền mặt 180.000 xây 1 lớp học điểm trường Ca Hàu A, Đồ chơi, bàn ghế, quần áo, ba lô trị giá 20.000.000); Nhóm cầu giấy Yêu thương hỗ trợ 350.000.000 đồng (trong tiền mặt 345.000.000 đồng xây 3 phòng học, 1 nhà công vụ, 1 nhà vệ sinh điểm Hua Thanh và quần áo, ba lô trị giá 5.000.000 đồng); Công ty xi măng Điện Biên hỗ trợ: 2 tấn xi măng lát nền nhà 01 phòng lớp học, 01 phòng ngủ, 01 phòng công vụ điểm trường Na Láy; Đoàn biên phòng cửa khẩu Quốc tế Tây Trang hỗ trợ (3.000.000 đồng tiền mặt và 215 xuất quà để tổ chức trung thu cho trẻ, 12 khối cát, 132 ngày công lao động đổ sân bê tông điểm trường Púng Bử, lát nền nhà vệ sinh điểm Na Láy, điểm Hua Thanh, điểm Con Cang, làm nhà bếp điểm Hua Thanh, 350 viên gạch xây hồ rác nổi cho 5 điểm trường). Phối hợp có hiệu quả với các tổ chức cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhiều năm qua nhà trường đều đạt danh hiệu trường có đời sống văn hóa tốt.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường.	CBQL	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể...	Trong các năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo.	
Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục	CBQL	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền...	Trong các năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo.	
Tăng cường phối kết hợp với các tổ chức, đoàn thể địa phương tổ chức các hoạt động của nhà trường và có thêm nhiều hình thức phối hợp, giao lưu, tổ chức các cuộc thi gắn với nhiệm vụ của năm học để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh hơn.	CBQL, giáo viên, Đoàn thanh niên, Đoàn biên phòng	Kế hoạch tuyên truyền, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể.	Trong các năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Nhà trường và các nhóm lớp đều có Ban đại diện cha mẹ trẻ được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ trẻ thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền xã Na U để quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn xã nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, huy động được các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong và ngoài địa bàn xã tham gia đóng góp các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh. Làm tốt công tác phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Trong những năm qua trường mầm non xã Na U thực hiện nghiêm túc chương trình GDMN theo quy định, có sự phát triển chương trình phù hợp với khả năng của trẻ, với thực tế của trường và địa phương. Nhà trường tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định phù hợp với độ tuổi, không ngừng đổi mới phương pháp dạy và học, tổ chức môi trường trải nghiệm, vui chơi tạo điều kiện cho trẻ tham gia, sáng tạo. Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm y tế xã thực hiện nghiêm túc việc khảo sát, đánh giá trẻ, cân, đo, khám sức khoẻ định kỳ theo đúng quy định nhằm phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi để có kế hoạch phục hồi, phòng, chống kịp thời làm giảm suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày một nâng cao. Chất lượng giáo dục trẻ được nâng cao, đa số trẻ có sự phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ theo mục tiêu của Chương trình GDMN. Tỷ lệ trẻ chuyên cần duy trì cao, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi, hàng năm có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương;
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán đã xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường, trên cơ sở đó các giáo viên xây dựng kế hoạch Chương trình giáo dục của các lớp theo năm học, tháng/chủ đề/tuần/ngày và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02]

Nhà trường đã phát triển chương trình GDMN do Bộ giáo dục và đào tạo phù hợp với quy định chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục và phù hợp với điều kiện nhà trường, tình hình địa phương và khả năng nhận thức của trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02]

Nhà trường rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN theo định kỳ thông qua hội đồng thẩm định, đánh giá vào các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm và qua các hoạt động đánh giá trẻ cuối chủ đề, tròn tháng và đánh giá trẻ cuối độ tuổi, chỉ đạo các nhóm lớp rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo chất lượng ở các độ tuổi được đánh giá qua mục tiêu các chủ đề, tròn tháng, cuối độ tuổi [H5-5.1-01].

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN theo kế hoạch và phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục theo Thông tư số 28/2016/TT-BGD ngày 30/12/2016 sửa đổi một số nội dung chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với điều kiện nhà trường, lựa chọn mục tiêu, nội dung xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề phù hợp với điều kiện của nhóm lớp, văn hóa của địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu nhận thức của trẻ

theo từng độ tuổi. Tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, mục tiêu cần đạt cuối độ tuổi [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Nhà trường phát triển chương trình GDMN của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành đúng theo quy định, hiệu quả; phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương. Nhà trường chưa thực hiện được nội dung tham khảo chương trình giáo dục các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02].

Hàng năm nhà trường tiến hành thẩm định, sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường để từ đó có sự điều chỉnh cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình GDMN, theo kế hoạch, phát triển Chương trình do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp theo quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, phù hợp với thực tế của nhà trường có định kỳ rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng nhu cầu và khả năng, hứng thú của trẻ. Nhà trường tổ chức định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên, chất lượng trẻ để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa thực hiện được nội dung tham khảo chương trình giáo dục các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường chỉ đạo, tư vấn, kiểm tra, rà soát hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch, phát triển chương trình GDMN, lựa chọn các nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	Chương trình GDMN; Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên	Trong năm học và các năm tiếp theo	
Tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới vào tổ chức các hoạt	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên theo Chương	Trong năm học và các năm tiếp theo	

động giáo dục nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường		trình giáo dục của Bộ giáo dục và đào tạo, của nhà trường		
---	--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường hướng dẫn giáo viên linh hoạt sử dụng các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm lớp và điều kiện thực tế của nhà trường nên kết quả chăm sóc, giáo dục của các nhóm lớp luôn đạt được mục tiêu đề ra [H1-1.5-02]; [H5-5.2-01]

Nhà trường xây dựng trường mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường tạo sự đa dạng các khu vực cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập như: Khu trải nghiệm với nước, với đá, lá cây, trồng cây, góc địa phương, khám phá thí nghiệm...tạo điều kiện tốt nhất để mọi trẻ đều có cơ hội sáng tạo, khám phá [3.1-02]

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của (nhóm) lớp như: Các hoạt động giáo dục trong lớp, ngoài lớp, hoạt động cá nhân, nhóm, giao lưu hoạt động tập thể giữa các lớp, hoạt động học, hoạt động chơi, tham quan di tích lịch sử, hoạt động lao động [H1-1.5-02]; [H5-5.2-02].

Mức 2:

Các nhóm, lớp trong nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với độ tuổi, với khả năng, hứng thú của trẻ cũng như điều kiện thực tế của trường, lớp, địa phương tạo ra những thành quả trên sản phẩm của trẻ [H1-1.5-02]; [H5-5.2-02].

Mức 3:

Nhà trường đã tích cực xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo theo chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo môi trường, học liệu mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi" [H5-5.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm lớp và điều kiện thực tế. Xây dựng trường mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường tạo sự đa dạng các khu vực, môi trường mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi". Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của lớp. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo theo chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với độ tuổi, nhu cầu, hứng thú của trẻ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục duy trì điểm mạnh tham mưu và triển khai áp dụng có hiệu quả Chương trình GDMN phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	Kế hoạch giáo dục của nhà trường, của trẻ.	Trong năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo.	
Chỉ đạo giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong công tác xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	Kế hoạch giáo dục nhà trường của các lớp	Trong năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc, sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3: Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Na U tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học cho trẻ, cho trẻ uống vitamin, thuốc tẩy giun, cấp phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa [H5-5.3-01].

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 216/216 trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, có sự giám sát lẫn nhau giữa nhà trường và trạm y tế xã. Hàng năm tỷ lệ trẻ có sự phát triển ở kênh bình thường đạt từ 95% trở lên [H5-5.3-02].

Ngay từ đầu năm học nhà trường căn cứ trên kết quả cân đo trẻ đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 26 trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và 33 trẻ thể thấp còi, đưa ra những biện pháp phù hợp đảm bảo như: Thay đổi khẩu phần ăn để có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp, tiến hành cân đo hàng tháng, nâng cao các hoạt động chăm sóc trẻ. Kết quả phục hồi dinh dưỡng hằng năm được cải thiện so với đầu năm học, Trong năm học 2019-2020 nhà trường đã phục hồi suy dinh dưỡng được 16/26 trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân tỷ lệ 61,53% và 22/33 trẻ thấp còi đạt 66,7%, nhà trường không có trẻ béo phì [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ thông qua các buổi họp phụ huynh, bảng tuyên truyền của trường và các lớp, các hoạt động của trẻ và trao đổi trực tiếp về tình hình của trẻ hằng ngày [H5-5.3-04].

Nhà trường xây dựng thực đơn theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường phù hợp với độ tuổi đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định như: Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn theo độ tuổi, số bữa ăn theo quy định, nước uống, tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng, chế biến hấp dẫn để trẻ ăn ngon miệng, hết khẩu phần [H1-1.6-04].

Nhà trường và các lớp xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, có các biện pháp can thiệp phù hợp, do đó hằng năm tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện. Tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học: Thể nhẹ cân giảm từ 12,2% xuống còn 4,6%, thể thấp còi giảm từ 15,5% xuống còn 5,1% [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường được đánh giá kết quả chăm sóc kênh bình thường đạt từ 95% trở lên [H5-5.3-02]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Hằng năm nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Na U, tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học cho trẻ, phối hợp thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, hàng năm tỷ lệ trẻ có sự phát triển ở kênh bình thường đạt từ 95% trở lên. Nhà trường căn cứ trên kết quả đánh giá chất lượng cân đo, đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, hằng năm đánh giá so với kết quả đầu năm học phục hồi đạt trên 80%, nhà trường không có trẻ béo phì.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe, phòng chống dịch	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế xã	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã	Trong năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo	

bệnh cho trẻ.		Na U		
Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Các công văn hướng dẫn thực hiện VSATTP	Trong năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo.	
Phối kết hợp có hiệu quả với cha mẹ trẻ tổ chức tốt ăn bán trú cho trẻ, cải thiện bữa ăn cho trẻ bị suy dinh dưỡng	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Kế hoạch y tế.	Trong năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo.	
Tích cực xây dựng môi trường rèn luyện thể chất, tạo điều kiện cho trẻ thực hành, luyện tập thể chất. Chú trọng giáo dục dinh dưỡng cho trẻ, rèn cho trẻ một số kỹ năng lao động, vệ sinh tự phục vụ phù hợp độ tuổi.	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Kế hoạch truyền thông	Trong năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo.	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần hằng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 98% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 92% [H5-5.4-01].

100% trẻ 5 tuổi trong nhà trường hằng năm đều hoàn thành Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 54 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN tại trường [H5-5.4-02].

Năm học 2019-2020 nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân [H1-1.5-03].

Mức 2:

Giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh đảm bảo trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ chuyên cần hằng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 98% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 92% trở lên [H5-5.4-01].

Qua các năm trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100% [H5-5.4-02].

Nhà trường có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-03].

Mức 3:

Qua các năm học số trẻ hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100% [H5-5.4-02].

Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ đạt 85% [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Tỷ lệ chuyên cần hằng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 98% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 92% trở lên. Hằng năm nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. Có hồ sơ quản lý trẻ em học hòa nhập theo quy định.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2019-2020 và	Cán bộ	Quyết định	Trong năm	

những năm tiếp theo tiếp tục huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu giao, nâng cao tỷ lệ trẻ chuyên cần, tỉ lệ trẻ hoàn thành chương trình GDMN.	quản lý, giáo viên, y tế	giao biên chế số lớp, số học sinh hàng năm.	học 2019-2020 và những năm học tiếp theo	
Chỉ đạo giáo viên phối hợp chặt chẽ với y tế để theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ khuyết tật học hòa nhập	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế	Kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập.	Trong năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Nhà trường đã có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ, do đó kết quả chăm sóc - giáo dục trẻ của nhà trường được nâng lên. Tỷ lệ trẻ phát triển ở kênh bình thường về cân nặng, chiều cao hàng năm trên 95%, không có trẻ béo phì. Trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần 98%, hàng năm có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

Trẻ có nề nếp, thói quen, kỹ năng tốt trong các hoạt động học tập, vui chơi, lao động, vệ sinh. Trẻ mạnh dạn, tự tin, tích cực tham gia vào các hoạt động. Nhà trường đã làm tốt công tác phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng. Hàng năm số trẻ suy dinh dưỡng đều giảm so với năm trước. Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có sự tiến bộ.

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4.

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là toàn bộ quá trình tự đánh giá của nhà trường đã diễn ra liên tục, bền bỉ, với sự đầu tư công sức, trí tuệ của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường mà tiêu biểu là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình: Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non với 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí; Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan, phản ánh đúng chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Mức 1:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Mức 2:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25.
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Mức 3:

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 11.
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 8.

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường Mầm non xã Na U huyện Điện Biên đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Trường Mầm non xã Na U đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

Trên đây là báo cáo công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của trường mầm non xã Na U – Huyện Điện Biên – tỉnh Điện Biên./.

Na U, ngày 21 tháng 02 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Phạm Bích Nguyệt

Phần IV: PHỤ LỤC

1. Bảng danh mục mã minh chứng – Trường mầm non xã Na Ư huyện Điện Biên.